

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DSST
Ngày 30 tháng 6 năm 2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CS. Địa chỉ: phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Anh V, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Địa chỉ: Tổ dân phố VD, thị trấn HC, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (theo Quyết định về việc ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Thanh C, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Tổ dân phố TC, thị trấn BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1962 (vắng mặt).

+ Chị Dương Thị Hồng T1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

+ Anh Dương Tuấn N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

+ Chị Dương Thị Cẩm B, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Đều cư trú: Tổ dân phố TC, thị trấn BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2020 cùng các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/10/2008 và ngày 25/02/2009 Ngân hàng CS chi nhánh huyện BX (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho ông Dương Thanh C, người thừa kế là bà Dương Thị Đ vay số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo chương trình cho vay học sinh sinh viên đối với sinh viên Dương Thị Hồng T1. Đến ngày 20/11/2009 ông Dương Thanh C và người thừa kế bà Dương Thị Đ tiếp tục có Phụ lục giấy đề nghị vay vốn kèm theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ đề nghị vay thêm số tiền 25.800.000đ để dùng vào việc chi phí học tập cho 02 con Dương Thị Hồng T1 và Dương Thị Cẩm B. Ngày 03/12/2009 Ngân hàng đã phê duyệt cho ông C vay số tiền 25.800.000đồng, thời hạn vay là 72 tháng, mức lãi suất là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/12/2015. Mặc dù ông C đề nghị vay 25.800.000 đồng nhưng quá trình giải ngân ông C chỉ vay số tiền là 17.200.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 03/3/2012, ông Dương Thanh C đề nghị vay số tiền 8.000.000 đồng. Ngày 05/3/2012 Ngân hàng đã phê duyệt cho ông C vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích để sửa chữa hầm bioga và giếng khơi, thời hạn vay là 60 tháng, mức lãi suất là 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất khi cho vay, kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/3/2017. Quá trình cho vay, Ngân hàng đã giải ngân đủ cho ông C số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Tổng số tiền gốc ông Dương Thanh C vay Ngân hàng là 33.200.000 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Sau khi vay ông C chưa trả nợ gốc và mới trả tiền lãi cho khoản vay học sinh sinh viên số tiền là 1.103.000 đồng vào ngày 31/12/2013, ông C nhiều lần có Giấy đề nghị gia hạn nợ nên Ngân hàng đã gia hạn nợ đối với khoản vay này, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/4/2012 và ngày 06/9/2017. Đối với khoản vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, ông C cũng chưa trả nợ gốc và mới trả được 206.400 đồng tiền lãi vào các ngày 31/10/2013 và 06/6/2014, sau đó ông C có đề nghị gia hạn nợ nên Ngân hàng đã gia hạn nợ đối với khoản vay này, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/8/2018. Đến hạn trả nợ, ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc hộ ông Dương Thanh C phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chủ hộ là ông Dương Thanh C và người thừa kế là bà Dương Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 30/6/2021 là: 60.872.777 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy bảy đồng) (Trong đó, tiền gốc là: 33.200.000 đồng; tiền lãi là: 27.672.477 đồng gồm tiền lãi trong hạn: 13.332.350 đồng và lãi quá hạn: 14.340.127 đồng) và yêu cầu ông C, bà Đ phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 01/7/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông Dương Thanh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 02/12/2020, ông C trình bày và xác nhận: Việc ông vay tiền, ký nhận nợ với Ngân hàng CS chi nhánh huyện BX như Ngân hàng khởi kiện là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Sau khi vay ông đã sử dụng số tiền vay đúng mục đích nuôi hai con ăn học và sửa chữa giếng khơi, hầm bioga và nộp lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Người thừa kế khoản vay là bà Dương Thị Đ là vợ ông. Đến tháng 10 năm 2014 do ông phải đi chấp hành án nên ông không có điều kiện trả nợ. Đối với khoản vay cho các cháu T1, B ăn học ông đã trả được 600.000 đồng tiền gốc và một số tiền lãi nhưng trả được bao nhiêu và trả đến thời gian nào thì ông không nhớ rõ, đối với khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường ông chưa trả được tiền gốc, còn lãi ông có trả nhưng ông cũng không nhớ chính xác. Nay ông thừa nhận ông còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 33.200.000 đồng, Ngân hàng khởi kiện ông yêu cầu trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh của hai khoản vay, quan điểm của ông nhất trí trả nợ nhưng xin được trả dần và xin Ngân hàng miễn toàn bộ lãi cho gia đình ông vì hoàn cảnh gia đình ông rất khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị Đ (vợ ông C), chị Dương Thị Hồng T1 (con gái ông C), anh Dương Tuấn N (con trai ông C) và chị Dương Thị Cẩm B (con gái ông C) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bà Đ, chị T1, anh N, chị B. Tuy nhiên tại Biên bản xác minh ngày 14/4/2021, đại diện chính quyền địa phương đã cung cấp quan điểm của bà Đ và chị T1, anh N, chị B cho rằng đây ra khoản nợ riêng của ông C vay, không liên quan đến bà và các anh, chị, bà và các anh, chị không có trách nhiệm phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS, buộc ông Dương Thanh C và bà Dương Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng CS tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2021 là: 60.872.777 đồng (Trong đó, tiền gốc là: 33.200.000 đồng; tiền lãi là: 27.672.477 đồng gồm tiền lãi trong hạn: 13.332.350 đồng và lãi quá hạn: 14.340.127 đồng). Ông Dương Thanh C và bà Dương Thị Đ phải chịu lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 01/7/2021 theo Phụ lục giấy đề nghị vay vốn ngày 20/11/2009 và Giấy đề nghị vay vốn ngày 03/3/2012. Ông C và bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng CS khởi kiện yêu cầu ông Dương Thanh C có hộ khẩu thường trú tại: thị trấn BH, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc phải trả nợ. Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa tổ chức tín dụng với cá nhân không có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Các giấy đề nghị vay vốn, Phụ lục giấy đề nghị vay vốn kèm theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 20/11/2009 theo chương trình cho vay học sinh sinh viên và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 03/3/2012 được giao kết giữa ông Dương Thanh C với Ngân hàng CS chi nhánh huyện BX là hợp pháp, phù hợp với các chính sách cho vay được quy định tại Nghị định số 78/CP-NĐ ngày 04 tháng 10 năm 2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, phù hợp với đối tượng cho vay của Ngân hàng CS là hộ gia đình, tại thời điểm vay hộ gia đình ông Dương Thanh C gồm ông Dương Thanh C, bà

Dương Thị Đ, chị Dương Thị Hồng T1, anh Dương Tuấn N và chị Dương Thị Cẩm B.

Xét Phụ lục giấy đề nghị vay vốn kèm theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 20/11/2009 và Giấy vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/3/2012 thì ông C đề nghị Ngân hàng cho ông vay hai khoản theo chương trình học sinh viên và nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, tổng số tiền là 33.800.000 đồng. Tuy nhiên theo những Phiếu chi mà Ngân hàng xuất trình cho Tòa án thể hiện Ngân hàng chỉ cho ông C vay tổng số tiền gốc là 33.200.000 đồng. Ông C cho rằng ông vay số tiền 33.800.000 đồng, ông đã trả được 600.000 đồng tiền nợ gốc và một phần lãi nhưng ông không xác định được trả lãi đến thời gian nào, ông không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng nộp cho Tòa án thì không có tài liệu nào thể hiện Ngân hàng cho ông C vay số tiền 33.800.000 đồng và ông C đã trả gốc 600.000 đồng. Mặc dù lời trình bày của bị đơn mâu thuẫn với lời trình bày và tài liệu do đại diện nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn vẫn thừa nhận tiền nợ gốc mà Ngân hàng khởi kiện là 33.200.000 đồng. Vì vậy cần phải công nhận số tiền nợ gốc của ông Dương Thanh C là 33.200.000 đồng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông C, bà Đ phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết 30/6/2021 là: 60.872.777 đồng (Trong đó, tiền gốc là: 33.200.000 đồng; tiền lãi là: 27.672.477 đồng gồm tiền lãi trong hạn: 13.332.350 đồng và lãi quá hạn: 14.340.127 đồng), Hội đồng xét xử thấy ông C là người làm đơn xin vay vốn và ký với tư cách người vay vốn, còn bà Đ là vợ ông C ký với tư cách người thừa kế. Mục đích vay để nuôi hai con đi học và sửa chữa giếng khơi, hầm bioga, phục vụ mục đích chung của gia đình, ông C vay trong thời kỳ hôn nhân với bà Đ, theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông C và bà Đ đều phải có trách nhiệm chung trong việc trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, cần buộc ông C và bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp.

Đối với yêu cầu xin được trả dần và miễn lãi của bị đơn ông Dương Thanh C, do quá trình giải quyết vụ án và xét xử ông C không có mặt để hòa giải, ông không có ý kiến đối với Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông C, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CS. Buộc Dương Thanh C và bà Dương Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng CS tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2021 là: 60.872.777 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy bảy đồng) (Trong đó, tiền gốc là: 33.200.000 đồng; tiền lãi là: 27.672.477 đồng gồm tiền lãi trong hạn: 13.332.350 đồng và lãi quá hạn: 14.340.127 đồng). Ông C và bà Đ phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 01/7/2021 đối với khoản nợ gốc 33.200.000 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong Phụ lục giấy đề nghị vay vốn kèm theo Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 20/11/2009 và Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/3/2012.

Về án phí: Ông Dương Thanh C và bà Dương Thị Đ phải chịu 3.043.000đ (Ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện BX;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện BX;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan